

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01631

Trang 1/1

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thực (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344002	HỒ VIỆT AN	CD12CI				15,25	4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344005	LÊ TRƯỜNG	CD12CI				1,3	1,4	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344006	TRẦN LÊ	CD12CI		✓		V	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11344055	NGUYỄN THANH BÌNH	CD11CI				1	3,1	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI				2,8	2,3	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115230	ĐINH THỊ KIỀU	DH12CB				4,5	3,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI				1,2	2,6	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344012	ĐÀO CÔNG DUY	CD12CI				1,5	2,7	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344140	LƯƠNG VĂN DUY	CD12CI				1,5	3,3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344028	NGUYỄN LÊ NHẬT DUY	CD12CI				0,5	1,3	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344032	NGUYỄN TRÚNG DƯƠNG	CD12CI				0,5	3,2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	08158034	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH08SK				0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344033	TRẦN ĐẠI	CD12CI				0,5	3,2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344079	HUỖNH VĂN DIỆP	CD12CI				1,5	3,2	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344043	LƯƠNG QUỐC ĐÔNG	CD12CI				1,4	3,6	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344039	NGUYỄN QUANG ĐỨC	CD12CI				1,4	2,8	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI				1,3	2,1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK				2,9	4,2	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01631

Trang 2/1

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11344024	ĐINH VĂN HẢI	CD11CI		✓		V	V	V	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154051	TRỊNH XUÂN HẠNH	DH11OT		✓		3,1	3,9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11344013	PHAN NGUYỄN PHÚC	CD11CI		✓		2	2	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10344094	TRẦN ĐÌNH HẬU	CD10CI		✓		V	V	V	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH11OT		✓		2	4,1	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11158065	NGUYỄN VIỆT TRUNG	DH11SK		✓		1,5	1,9	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344169	LÊ MINH HÒA	CD12CI		✓		2,5	3,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344195	TRỊNH VĂN HON	CD12CI		✓		V	V	V	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC		✓		2	1,9	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344187	HỒ TRẦN HUY	CD12CI		✓		1,5	3,7	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC		✓		4,0	3,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12118109	VŨ NHƯ KHÀI	DH12CC		✓		1,8	2,3	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344094	HUỖNH DUY KHÁNH	CD12CI		✓		2,4	2,1	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344067	TRỊNH CAO KỲ	CD12CI		✓		0,9	1,4	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344068	TRẦN VĂN LAI	CD12CI		✓		0,8	2,1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI		✓		1,7	2,3	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI		✓		0,5	3,3	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12344014	NGUYỄN VŨ LINH	CD12CI		✓		2	2,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Văn Ban
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Duy

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Đình Quý

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12344078	TRẦN ĐỨC LONG	CD12CI				1	1,7	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12344077	LÊ THÀNH LỘC	CD12CI				2	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12344027	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI				1,7	1,7	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12344127	VÕ TÁ MẠNH	CD12CI				1	2,3	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12344172	TRINH HỮU NGHĨA	CD12CI				1	2,2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI				1	1,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10154068	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	DH100T				4,2	4,2	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12344100	PHẠM QUỲNH NINH	CD12CI				1,2	2,4	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI				1,7	2,5	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12344101	LÊ HỒNG PHONG	CD12CI				0,5	2,7	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI				3,2	2,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH120T				4,2	3,6	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12344105	BÙI VĂN PHÚ	CD12CI				1	1,7	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI				1,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11344037	VÕ PHI PHỤNG	CD11CI				1,2	4,3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH110T				2,5	4,4	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12344191	HÀ TÂN TÀI	CD12CI				1,5	1,1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12344046	HOÀNG XUÂN TÀI	CD12CI				1,5	1,4	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01631

Trang 4/1

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12118020	LÊ ĐỨC TÂM	DH12CK		V		V V	V	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12344197	NGUYỄN THÀNH	CD12CI		Thành	1,5	1,5	3,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH	CD12CI		Minh	1,7	0,9	2,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12344175	PHẠM NGỌC TÂN	CD12CI		Tan	1,2	2	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK		V		V V	V	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI		Thanh	1,7	1,1	2,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	09154095	TRẦN HUY THÁNH	DH09OT		Huy	2,2	1,0	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	10154040	HUỲNH THẢO	DH10OT		Thảo	1,5	1,1	2,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12344126	VÕ THƠM	CD12CI		Thom	0,2	1,9	2,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI		Minh	0,7	2,5	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12344069	TRẦN QUỐC THƯƠNG	CD12CI		V		V V	V	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	10344071	DƯƠNG VŨ MINH TIỀN	CD10CI		Minh	0,7	0	0,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	10158040	TIỀN QUỐC TÍN	DH10SK		Tin	3	4,1	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12115262	NGUYỄN THỊ TRANG	DH12CB		Trang	1,7	2,4	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12118006	NGUYỄN VĂN TRONG	DH12CK		Trong	2,7	1,7	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12115038	LÊ VĂN TRUNG	DH12GB		Trung	3,5	4	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12344148	TRẦN MINH TÚ	CD12CI		Tu	2	2,1	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12344144	LOAN THANH TUẤN	CD12CI		Tuan	2,2	2,4	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Văn Ban
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Cường

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Văn Ban
Nguyễn Đình Cường

Ngày tháng năm

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài:; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Lê Văn Ban 
 Đảng Cộng Sản 

Thống kê

Ngày tháng năm

1/ Lê Văn Bưu
2/ Nguyễn Duy Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01632

Trang 1/1

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK		Am	8	4,3		7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344023	HÀ VĂN CƯỜNG	CD12CI		HA	1,49	2,8		4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118019	HỒ TÂN DUY	DH12CK		Ho	2,23	3,4		5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344036	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	CD12CI		Da	1,3	2,3		4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119019	MAI XUÂN ĐIỀU	DH10CC		mai	3,35	5		8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09115065	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	DH09CB		Gi	2,24	0,5		2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118111	LÊ MINH HẢI	DH12CC		le	3,54	3,25		6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11158051	HUỖNH THỊ BÍCH HẠNH	DH11SK		ho	4,01	4,2		8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11158085	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	DH11SK		ng	3,62	4,1		7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10158011	CAO THỊ HOA HẬU	DH10SK		cao	3,74	4,7		8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11158069	NGUYỄN LÊ HOÀI	DH11SK		ho	2,65	0,5		3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344055	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	CD12CI		ho	3,25	2,6		5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154006	VI VIỆT HOÀNG	DH12OT		V	V			V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10344060	VÕ VĂN HOÀNG	CD10CI		vo	2,22	2,4		4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11158009	THIÊN SANH HUÂN	DH11SK		th	3,03	3,7		7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118081	TRẦN QUỐC BẢO HUY	DH12CK		V	V			V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11118010	BENG ALOUN KASEUTH	DH11CC		ben	1,85	2,45		4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11158079	NGUYỄN MINH KHƯƠNG	DH11SK		ng	2,61	1,8		4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số lời:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Duy Quý
Khai V. Đức

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Hùng
Ngô Duy Quý

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01632

Trang 2/1

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09154028	NGUYỄN VĂN LẬP	DH09OT		<i>[Signature]</i>	3,45	4,6		8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11119008	HỒ TÀI	DH11CC		<i>[Signature]</i>	3,21	3,8		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115249	PHẠM THỊ KIM	DH12CB		<i>[Signature]</i>	2,82	4,6		7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118046	NGUYỄN LONG	DH12CC		<i>[Signature]</i>	2,70	0,2		2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344047	TRƯƠNG HOÀI	CD12CI		<i>[Signature]</i>	2,33	1,5		3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118058	NGUYỄN TÂN	DH12CC		<i>[Signature]</i>	4,36	2,5		6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC		<i>[Signature]</i>	4,79	2		6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344145	VÕ BÁ LUÂN	CD12CI		<i>[Signature]</i>	1,48	1,1		2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC		<i>[Signature]</i>	3,42	1,6		5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC		<i>[Signature]</i>	3,54	2,8		6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC		<i>[Signature]</i>	3,97	3,3		7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11344035	NGUYỄN KHOA NAM	CD11CI		<i>[Signature]</i>	2,86	2,7		5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	08118013	NGÔ VĂN NGHĨA	DH08CX		<i>[Signature]</i>	0,86	2,4		3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10119027	VÕ TRONG NGHĨA	DH10CC		<i>[Signature]</i>	3,52	0,5		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CX		<i>[Signature]</i>	2,17	1,8		4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10134035	NGUYỄN ANH NGUYỄN	DH10GB		<i>[Signature]</i>	4,35	3		7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	08154020	NGUYỄN KHOA NGUYỄN	DH08OT		<i>[Signature]</i>	4,41	3,5		7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12115098	ĐÀO HỒNG NHIÊN	DH12CB		<i>[Signature]</i>	1,52	1,2		2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhân dạng 01632

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12344186	HUỖNH DUY PHÁT	CD12CI		<i>Nhi</i>	1,81	1		2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12115214	NGUYỄN ĐỨC PHÚ	DH12CB		<i>Phu</i>	3,03	2		5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC		<i>Ho</i>	4,28	2,4		6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11158100	TRẦN MINH PHỤNG	DH11SK		<i>Phu</i>	2,68	1,9		4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	10344019	TRẦN HỮU PHƯỚC	CD10CI		<i>Phu</i>	2,56	3		5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12115024	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	DH12CB		<i>Quang</i>	4,9	3,8		8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	09154035	TRẦN QUANG	DH09OT		<i>Q</i>	4,33	4,8		9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	08158135	DƯƠNG THỊ KIỀU	DH08SK		<i>Quang</i>	2,58	2,5		5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12118075	LƯƠNG QUỐC QUÂN	DH12CC		<i>Quang</i>	2,83	2,9		5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12CC		<i>Tr</i>	4,27	1,4		5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11158071	NGUYỄN MẬU HOÀNG	DH11SK		<i>S</i>	2,89	3,5		6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH12OT		<i>NZ</i>	3,0	4,0		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CX		<i>NZ</i>	3,0	0,9		3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11344067	NGUYỄN TÂN TÀI	CD11CI		<i>Ta</i>	3,73	2,4		6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT		<i>Ta</i>	1,26	0		1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12115026	HOÀNG VĂN TAM	DH12CB		<i>Ta</i>	4,24	2,3		6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12118023	THẦN THIÊN TÂN	DH12CC		<i>Th</i>	1,51	2,5		3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12118090	NGUYỄN HỮU TÂN	DH12CX		<i>Ta</i>	1,2	0		1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Cường
Nguyễn Văn Đức

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Trần Văn Sĩ
Đặng Kiều Dung

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Sĩ
Nguyễn Văn Cường

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01632

Trang 4/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	07132086	TRẦN CÔNG TẤN	DH08SK		V	V	V		V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12118121	LÊ QUYẾT THÀNH	DH12CC		V	V	V		V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	10158083	NGUYỄN VĂN THẾ	DH10SK		W	2,37	3,2		7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12344178	HỒ MINH THỊNH	CD12CI		28	1,86	2,7		4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11158037	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH11SK		26	1,6			4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12344124	LƯƠNG ĐỨC THÔNG	CD12CI		V	V			V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI		1,28	1,8			3,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12344074	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD12CI		V	V			V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12344135	NGUYỄN LỘC THUẬN	CD12CI		2,12	1,4			3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11158039	NGUYỄN THỊ THỦY TIẾN	DH11SK		2,96	3,1			6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK		3,01	4			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12344134	ĐÀO MINH TỈNH	CD12CI		3,46	3			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK		2,19	3			5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12118096	HỒ TRẦN TRUNG TRÍ	DH12CC		2,28	2,2			5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	10344084	TRẦN HIẾU TRUNG	CD10CI		2,53	3,5			6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	10158069	ĐẶNG CẨM TÚ	DH10SK		3,72	5			8,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12115248	ĐINH QUANG TUYẾN	DH12CB		3,95	2,4			6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12118108	LÊ QUANG TƯỜNG	DH12CK		2,48	3,3			5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Huy Quý
Nguyễn Văn Đức

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Đức

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Đức
Nguyễn Văn Đức

Ngày tháng năm

Trang 5/1

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài:.....; Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Ng' Bray Aug

Handwritten signature: *Handwritten signature*

Đ. Ngô Bảo Châu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01640

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tin Chí : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154056	TRẦN NGỌC AI	DH1DOT	1		6	V	2	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH12OT	1		8	5,5	7	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11344055	NGUYỄN THANH BÌNH	CD11CI	1		7	5	4,5	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC	1		6	9	1	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153001	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH11CD	1		6	7	1	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153018	ĐINH PHÚC ĐẠI	DH11CD	1		6	8,5	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154069	BÙI THÀNH ĐÀO	DH12OT	1		6	V	3,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153167	TRƯƠNG PHÁT ĐẠT	DH12CD	1		6	8,5	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11344017	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	CD11CI	1		7	6	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH12OT	1		6	V	3	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11158089	LÊ MINH HOÀNG	DH11SK	1		8	8,5	6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11158009	THIÊN SANH HUẤN	DH11SK	1		8	7	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD	1		8	8	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD	1		7	V	6,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC	1		6	V	1	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138058	NGUYỄN XUÂN KHÁ	DH12TD	1		8	8,5	5,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN KHANG	CD11CI	1		6	5	3,5	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11158041	THÔNG MINH KHANG	DH11SK	1		6	6,5	2,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 15; Số tờ: 15

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01640

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (50%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12344094	HUỖNH DUY KHÁNH	CD12CI	1		7	9	4,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115249	PHAM THI KIM	DH12CB	1		6	6	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD	1		10	1	9	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT	1		7	6	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11344057	TRẦN QUANG MÃN	CD11CI	1		6	5	2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD	1		7	8	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115021	TRƯƠNG HỮU NAM	DH12CB	1		6	6,5	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138131	LÊ QUANG NGỌC	DH12TD	1		8	1	7	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115277	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG NHÃN	DH12CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344100	PHAM QUỲNH NINH	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344155	NGUYỄN VĂN PHÉ	CD12CI	1		6	8	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11344038	LÂM TUẤN QUANG	CD11CI	1		6	8,5	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10134019	HUỖNH THỊ KIM QUỲ	DH10GB	1		6	5	2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11115009	NGÔ THÀNH SƠN	DH11CB	1		8	8,5	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154238	PHAN VĂN TÂM	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10134008	HUỖNH CÔNG THÀNH	DH10GB	1		6	1	3	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11344041	NGUYỄN VĂN THẢO	CD11CI	1		7	1	5,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12137041	ĐOÀN NHẬT THĂNG	DH12NL	1		9	8	8,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 15; Số tờ: 15

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01640

Trang 3/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12154186	LÊ QUÝ THIẾT	DH12OT	1		6	8	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12115305	TRẦN NHẬT TIẾN	DH12GN	1						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12137058	NGÔ HỮU TOÀN	DH12NL	1		6	8	1,5	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH12OT	1		6	V	3	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11158044	TRƯƠNG THỊ HOA	DH11SK	1		6	8,5	3	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12344139	NGUYỄN BÀ TRUNG	CD12CI	1		6	5	2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT	1		6	V	1	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12138103	PHẠM VĂN TRƯỜNG	DH12TD	1		6	8	0,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12344152	VƯƠNG NHƯ TÚ	CD12CI	1		6	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH11OT	1		6	V	2	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12115248	ĐINH QUANG TUYẾN	DH12CB	1		6	V	0	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12118117	NGUYỄN HUỖNH TÚ UYÊN	DH12CC	1		8	8,5	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12149092	HOÀNG VĂN VIẾT	DH12TD	1		7	6	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 15; Số tờ: 15

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01642

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344005	LÊ TRƯỜNG AN	CD12CI		<i>[Signature]</i>	5	7.5	2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6	6.5	3	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153025	TRẦN PHẠM TUẤN	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11158064	HỒ THỊ NGỌC ANH	DH11SK		<i>[Signature]</i>	6	5.5	4	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154050	QUẢNG THIÊN	DH12OT		<i>[Signature]</i>	5	✓	2	1.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154057	VÕ THÀNH CÔNG	DH10OT		<i>[Signature]</i>	6	6.5	3	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD		<i>[Signature]</i>	7	5.5	6.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138032	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH12TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09158009	TRẦN TÚ DŨNG	DH09SK		<i>[Signature]</i>	6	✓	3	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DH12TD		<i>[Signature]</i>	5	7.5	1	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344033	TRẦN ĐÀI	CD12CI		<i>[Signature]</i>	6	✓	3.5	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6	✓	3	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138018	NGUYỄN VIỆT HẢO	DH12TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138046	NGUYỄN THẾ HIỀN	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	6.5	6.5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11158069	NGUYỄN LÊ HOÀI	DH11SK		<i>[Signature]</i>	5	4.5	2	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138047	DƯƠNG VĂN HOÀN	DH12TD		<i>[Signature]</i>	6	8	3.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	6.5	6	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138098	PHAN HUY HOÀNG	DH12TD		<i>[Signature]</i>	8	5.5	7.5	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày tháng 01 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài.....; Số tờ.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày tháng 01 năm 2024

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01643

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tin Chì 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI		<i>Linh</i>	5	5	2,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD		<i>Linh</i>	7	9	6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118046	NGUYỄN LONG	DH12CC		<i>Long</i>	5	1	2	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD		<i>Loc</i>	8	6	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153179	ĐINH QUANG LUÔNG	DH12CD		<i>Quang</i>	7	1	5,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD		<i>My</i>	6	6	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12115296	LÊ NGHĨA	DH12CB		<i>Nghe</i>	5	4,5	2	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153191	NGUYỄN GIA NGHĨA	DH12CD		<i>Nghe</i>	6	6,5	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138125	NGUYỄN THANH NHÂN	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153088	ĐẶNG HOÀNG NHIÊN	DH12CD		<i>Nhan</i>	6	5,5	4,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153112	ĐẶNG PHAN TÂN PHÁT	DH12CD		<i>Phat</i>	8	8,5	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI		<i>Pho</i>	6	5,5	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138004	HUỖNH QUỲNH	DH12TD		<i>Quynh</i>	6	5,5	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD		<i>Quynh</i>	7	6,5	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD		<i>Tai</i>	5	6	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11344067	NGUYỄN TÂN TÀI	CD11CI		<i>Tai</i>	6	6,5	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138067	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD		<i>Tam</i>	6	1	3	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CX		<i>Tat</i>	6	6	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 33; Số tờ: 33

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Duy Linh
Phạm Minh Hải

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Lê Tường
Nguyễn Văn Khoa

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01643

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tin Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD			5	6	2.5	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153137	HỒ BẢO	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138041	LÊ TRỌNG	DH12TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344126	VÕ THƠM	CD12CI			5	5.5	2	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138129	NGUYỄN CÔNG THUẬN	DH12TD			8	6	6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12137046	BÙI ANH	DH12NL			5	7.5	2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153198	PHẠM NGỌC TÌNH	DH12CD			6	7	4	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI			6	0.0	3	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344137	LÊ HIẾU	CD12CI			6	5.5	3	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138005	LÊ THÀNH	DH12TD			9	7	8.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138130	PHẠM VIỆT	DH12TD			6	5	3.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11344059	TRẦN QUANG	CD11CI			6	5.5	3.5	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138134	VÕ ĐÌNH	DH12TD			5	9	2	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH12OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344052	PHẠM CHÍ	CD12CI			5	1	3	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344153	TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	CD12CI			5	6	1	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12138083	BÙI MINH VI	DH12TD			8	7.5	6.5	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD			8	7.5	6.5	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 3.3; Số tờ: 3.3

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 01 năm 2014

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

Nguyễn Lê Tuấn
Ng. Anh Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01644

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD		<i>Anh</i>	9	8,5	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138009	NGÔ HOÀNG	DH12TD		<i>Hoàng</i>	8	9	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD		<i>Gia</i>	6	6	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD		<i>Bình</i>	7	8,5	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD		<i>Cảnh</i>	6	7,5	2	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH	DH12TD		<i>Chính</i>	7	7	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153002	NGUYỄN TUẤN	DH12CD		<i>Tuấn</i>	6	7	2,5	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153036	HỮA THANH CHUNG	DH12CD		<i>Chung</i>	6	6,5	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠNG	DH12CD		<i>Chương</i>	6	6,5	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153003	LAI VĂN CƯỜNG	DH12CD		<i>Cường</i>	6	6,5	2,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD		<i>Cường</i>	6	7,5	3	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09153002	VÕ VĂN CƯỜNG	DH09CD		<i>Cường</i>	6	8	3	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153004	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD		<i>Đạt</i>	8	6	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD		<i>Đạt</i>	7	6	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118002	BÙI VĂN HẢI	DH12CC		<i>Hải</i>	9	7,5	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153018	DƯƠNG SỸ HẠNH	DH12CD		<i>Hạnh</i>	6	0,5	3,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154013	PHẠM VĂN HIỆP	DH10OT		<i>Hiệp</i>	6	5,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD		<i>Hòa</i>	8	8	5,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kim Ngân
Lưu Văn Xích

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Bình
Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01644

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	6	3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153037	NGUYỄN AN	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	6	0,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	5	0,5	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153046	MŨ QUANG	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	6	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153176	ĐOÀN TỐ	DH12CD		<i>[Signature]</i>	9	8	8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153092	NGUYỄN ANH	DH12CD		<i>[Signature]</i>	8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10138005	NGUYỄN MINH	DH10TD		<i>[Signature]</i>	7	8	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153189	TẠ DUY	DH12CD		<i>[Signature]</i>	7	6,5	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153197	TÔ THÁI	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	5,5	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153106	BÙI VIỆT	DH12CD		<i>[Signature]</i>	9	7,5	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153006	TRƯƠNG HOÀI	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	6,5	2,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153008	LÊ TRỌNG	DH12CD		<i>[Signature]</i>	8	5	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày tháng 1 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01645

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12138123	NGUYỄN TẤN NGHIÊM	DH12TD		<i>Tấn</i>	6	7,5	2,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD		<i>Nhân</i>	6	8,5	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD		<i>Thành</i>	6	9	2	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344103	PHẠM VĂN PHÁT	CD12CI		<i>Phát</i>	6	7,5	3,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD		<i>Phúc</i>	8	8	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153068	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	DH12CD		<i>Phu</i>	7	8	4,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153133	NGUYỄN THANH TẤN	DH12CD		<i>Phu</i>	7	7	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG THÁI	DH12CD		<i>Thái</i>	6	6,5	0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD		<i>Thắng</i>	7	7	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD		<i>Thế</i>	7	8,5	4	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC		<i>Thị</i>	8	9,5	6,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153183	TRẦN THANH THOẠI	DH12CD		<i>Thị</i>	9	8,5	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153146	NGUYỄN LÝ THỐI	DH12CD		<i>Thối</i>	6	7	0	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344168	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD		<i>Thuyết</i>	7	7,5	4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD		<i>Thương</i>	6	7,5	0	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD		<i>Phạm</i>	9	6,5	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153199	ĐẶNG NHƯ TRUNG	DH12CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Hiệp
Nguyễn Văn Hiệp

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Hiệp

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Hiệp
Nguyễn Văn Hiệp

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01645

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD		<i>[Signature]</i>	7	7,5	4,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153192	NGÔ QUANG TUẤN	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	6	4,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138087	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD		<i>[Signature]</i>	7	9	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153193	LÊ VĂN TƯ	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	9	1	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	7,5	1,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153160	PHẠM VĂN VIỆT	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	6	0,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153162	HOÀNG TRỌNG VINH	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	8	1	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153164	VÕ XUÂN VINH	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	5	3,5	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118077	TRẦN THANH VŨ	DH12CC		<i>[Signature]</i>	8	6,5	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153126	TRƯƠNG QUANG VŨ	DH12CD		<i>[Signature]</i>	6	7,5	3,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11344058	NGUYỄN MINH VƯỢNG	CD11CI		<i>[Signature]</i>	6	8	2	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 27

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] N. V. Giáp
[Signature] K. V. Quốc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature] Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature] Nguyễn Lê Hùng
[Signature] Nguyễn Anh Khoa

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01646

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT			6	7	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344023	HÀ VĂN CƯỜNG	CD12CI			6	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12137002	LÊ HÙNG	DH12NL			9	6,5	8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153041	NGUYỄN CHỈ CƯỜNG	DH12CD			6	7,5	1	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD			6	6,5	0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09154055	HỒ TÂN	DH09OT	✓	✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154056	LÂM HỮU	DH12OT	✓	✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344036	NGUYỄN THÀNH	CD12CI			6	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138035	PHAN TIẾN	DH12TD			7	7,5	4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD			7	7	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD			8	6	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154063	PHẠM CHÁNH HƯNG	DH10OT			9	6	9,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD			6	7	1,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153074	TRẦN TRỌNG KHIÊM	DH12CD			6	8,5	1,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153089	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	DH12CD			6	V	1	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153090	NGUYỄN MINH KHOẢNH	DH12CD			8	5	5,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153005	TRẦN MINH KHƯƠNG	DH12CD	✓	✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11158031	VÕ VĂN KIÊN	DH11SK			8	7	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 20; Số tờ: 20.

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 01 năm 14

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

Nguyễn Hữu Hòa
Đoàn Lê Văn Tân

Very Very dirty Box

nhân Nguyễn Lê Tường
Đến Nay đang học

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01647

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD		<i>Minh</i>	6	5,5	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD		<i>Đinh</i>	9	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11344063	TRIỆU CẢ MÜN	CD11CI		<i>Mün</i>	7	7,5	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD		<i>Nam</i>	6	6	2,5	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC		<i>Nhan</i>	8	9,5	6,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344186	HUỖNH DUY PHÁT	CD12CI		<i>Phat</i>	7	6	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153093	HỒ VĨNH PHU	DH12CD		<i>Phu</i>	6	8,5	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC		<i>Hong</i>	8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11158016	LÊ VĂN PHÚNG	DH11SK		<i>Phung</i>	6	7,5	0,5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD		<i>Sang</i>	6	6	0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153181	ĐẶNG QUỐC SỸ	DH12CD		<i>Sy</i>	6	6,5	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD		<i>Tam</i>	9	7	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH11OT		<i>Chí</i>	9	7	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT		<i>Tan</i>	9	7	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154246	NGUYỄN THÁNH TÂN	DH12OT		<i>Tan</i>	8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI		<i>Thanh</i>	8	6	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11344036	ĐỖ VĂN THẮNG	CD11CI		<i>Thang</i>	8	8	7	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD		<i>Thang</i>	6	6,5	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Văn Đạt
Nguyễn Văn Đạt

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Đạt

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Đạt
Nguyễn Văn Đạt

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01647

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử (207110) - Số Tin Chì : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12153016	VÕ CAO THẮNG	DH12CD		<i>Như</i>	6	6	2,5	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT		<i>Th</i>	6	5,5	0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344111	VÕ TẤN THIÊN	CD12CI		<i>Th</i>	6	6	2,5	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11158037	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH11SK		<i>Th</i>	6	7	1,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344192	NGUYỄN VĂN THÒT	CD12CI		<i>Th</i>	6	6	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115196	TRẦN THỊ MINH THU	DH12GB		<i>Th</i>	8	V	6	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138099	NGUYỄN ĐÌNH THY	DH12TD		<i>Th</i>	7	V	4,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI		<i>Tan</i>	6	5,5	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10154050	HUỖNH CÔNG TRÍ	DH10OT		<i>Th</i>	7	6	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL		<i>Th</i>	6	V	1	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD		<i>Th</i>	7	7	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138107	VŨ MINH TUẾ	DH12TD		<i>Th</i>	6	6,5	2,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138109	ĐẶNG KHÁNH TÙNG	DH12TD					3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	06119033	TRẦN THẾ VẤN	DH08CX							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12115134	NGUYỄN QUANG VINH	DH12CB		<i>Th</i>	6	8	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12115130	NGUYỄN HOÀNG VŨ	DH12CB		<i>Th</i>	6	6	0,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12118106	PHẠM VĨNH VŨ	DH12CC		<i>Th</i>	6	3	3,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11344051	TRẦN THANH VŨ	CD11CI		<i>Th</i>	7	9,5	4,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Th N+H+Đ
Th Nguyễn Văn Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Th Võ Văn Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Th Nguyễn Văn Bình
Th Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01698

Trang 1/1

Môn Học : Máy sau thu hoạch (207304) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ1 (25%)	Đ2 (5%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10118016	ĐÀNG HOÀNG DIỆU	DH10CK			9	8	7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10118001	NGUYỄN MINH HẢI	DH10CK			9	7	7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11158089	LÊ MINH HOÀNG	DH11SK			7	7	7,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11158041	THÔNG MINH KHANG	DH11SK			7	7	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09118009	TRẦN DUY KHƯƠNG	DH09CK			6	7	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10118017	NGUYỄN THỊ VY LINH	DH10CK			9	7,5	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12132092	ĐOÀN HIẾU NGHĨA	DH12SP			7	7	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10118008	BÙI CÔNG NHẬT	DH10CK			9	7	7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10118004	LÊ KHÔI QUÍ	DH10CK			9	8	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10118009	TRẦN VĂN SANG	DH10CK			9	7	5,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11132033	BÙI CHÍ SƠN	DH11SP			8	7,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10118010	TRẦN VĂN NHẬT TÀI	DH10CK			9	7	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10118013	PHAN DUY TÂN	DH10CK			9	7	6	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09118016	ĐÀO NHẬT THÀNH	DH09CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10118005	ĐINH CHIẾN THẮNG	DH10CK			9	7	4	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09118018	NGUYỄN TÂN TÍN	DH09CK			9	9	9	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09118020	NGUYỄN VĂN VŨ	DH09CK			9	7,5	6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 13 tháng 2 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01699

Trang 1/1

Môn Học : Máy thu hoạch (207305) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RDS04

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10118016	ĐÀNG HOÀNG DIỆU	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,0	1,0	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10118001	NGUYỄN MINH HẢI	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,7	1,2	4,2	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	07119014	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	DH08CK			1,7	0,0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09118009	TRẦN DUY KHƯƠNG	DH09CK		<i>[Signature]</i>	1,0	1,0	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10118017	NGUYỄN THỊ VY	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,4	1,2	3,6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10118008	BÙI CÔNG NHẬT	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,6	1,0	4,8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10118004	LÊ KHÔI QUÍ	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,7	1,0	5,4	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10118009	TRẦN VĂN SANG	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,4	1,0	4,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10118010	TRẦN VĂN NHẬT	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,6	1,2	4,2	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10118013	PHAN DUY TÂN	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,0	1,0	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10118005	ĐINH CHIẾN	DH10CK		<i>[Signature]</i>	1,4	1,0	4,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày 18 tháng 1 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01709

Trang 1/1

Môn Học : Đo lường & TD hóa trong TBL (207410) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD402

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137001	BÙI THỊ TRÂM ANH	DH10NL		<i>Alle</i>	0,5		6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137061	NGUYỄN NGỌC BÁCH	DH10NL		<i>ngb</i>	0,25		6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137084	NGUYỄN THIẾU BIẾT	DH10NL		<i>Nhieu</i>	0,25		6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137037	NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU	DH10NL		<i>Nguyen</i>	0,5		6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137031	ĐỖ VIỆT ĐÌNH	DH10NL		<i>Do</i>	0,5		6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137033	NGUYỄN DUY ĐOAN	DH10NL		<i>Doan</i>	0,5		6,75	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137052	TRẦN LÊ GIANG	DH10NL		<i>Tran</i>	0,5		5,75	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137017	NGUYỄN MINH HẠ	DH10NL		<i>Minh</i>	0,5		8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10137076	MAI THANH HIỀN	DH10NL		<i>Ma</i>	0,25		9	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09137029	NGUYỄN THANH HIỆP	DH09NL		<i>Thiep</i>	0		7,25	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09137004	NGUYỄN VŨ HIỆP	DH09NL		<i>Thiep</i>	0		5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09137003	LÝ VĂN HIẾU	DH09NL		<i>Ly</i>	0		6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL		<i>Nguyen</i>	0,25		5,25	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137019	VÕ THẾ HOÀNG	DH10NL		<i>Hoang</i>	0,5		8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137053	TRẦN THANH HUY	DH10NL	2	<i>Huy</i>	0,5		7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137004	ĐỒNG PHÚC LỘC	DH10NL		<i>V</i>				V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137005	VÕ VĂN LỢT	DH10NL		<i>W</i>	0,5		6,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL		<i>Tran</i>	0		5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Văn Báu
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Kul
Nguyễn Văn Duy

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Báu

Ngày tháng năm

Trang 2/1

10

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01710

Trang 1/1

Môn Học : Đo lường & TD hóa trong TBL (207410) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD403

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ1 (+%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137006	PHAN VÕ TRUNG	NGHĨA	DH10NL		0,5		9	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09137038	VÕ ĐẠI	NGHĨA	DH09NL		0		6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137026	VÕ ĐỨC	NGHĨA	DH10NL		0,5		8,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09137010	NGUYỄN ĐÌNH	NGHIỆP	DH09NL		0,25		8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137008	NGUYỄN THÀNH	PHẦN	DH10NL		0,5		5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137042	NGUYỄN HỒNG	PHONG	DH10NL		0,5		5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09137012	THÂN THẾ	PHONG	DH09NL		0		5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137047	LÊ HOÀNG	PHÚC	DH10NL		0		6,25	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10137009	LÊ THẾ	QUAN	DH10NL		0,5		5,25	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137010	VŨ ĐÌNH	QUANG	DH10NL		0,5		5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137027	NGUYỄN VĂN	SANG	DH10NL		0,5		6,25	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10137065	LÊ ANH	SƠN	DH10NL		0,25		5,25	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137011	NGUYỄN THẾ	TÀI	DH10NL		0,5		8,25	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137067	HOÀNG THỊ KIM	THANH	DH10NL		0,5		5,25	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137057	NGUYỄN DUY	THÀNH	DH10NL		0,5		5,25	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137029	NGUYỄN TĂNG	THÀNH	DH10NL		0		0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09137045	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	DH09NL		0		4	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137030	MAI VĂN	THUẬN	DH10NL		0,5		6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Khoa
Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Trần
Nguyễn Văn Khoa

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Khoa

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01710

Trang 2/1

Môn Học : Đo lường & TD hóa trong TBL (207410) - Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi : 20/01/14

Giờ thi: 09g30 - phút

Phòng thi RD403

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	DH10NL			0,5		7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10137074	BÙI VĂN TÌNH	DH10NL			0,5		6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10137014	PHAN CHÍ TOÀN	DH10NL			0,5		7,75	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	09137015	PHAN NGỌC TRI	DH09NL			0		6,75	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10137025	NGUYỄN NHẬT TRIỀU	DH10NL			0,5		6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10137072	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH10NL			0		1	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10137016	NGUYỄN TẤN TRÚNG	DH10NL			0,5		5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10137063	TRẦN THANH TRƯỜNG	DH10NL			0,5		3	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10137069	VÕ MINH TUÂN	DH10NL			0,5		4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08137009	NGUYỄN THANH TÙNG	DH08NL					V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10137081	ĐINH QUỐC TUẤN	DH10NL			0,5		6,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Lê Văn Bạt (313)

Môn Học: Đồ án kỹ thuật lạnh - 01-207412

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10137001	BÙI THỊ TRÂM	ANH	DH10NL		0,5		8	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137084	NGUYỄN THIỀU	BIẾT	DH10NL		0		7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137052	TRẦN LÊ	GIANG	DH10NL		0,5		7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137017	NGUYỄN MINH	HA	DH10NL		0		8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137076	MAI THANH	HIỀN	DH10NL		0		6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137053	TRẦN THANH	HUY	DH10NL		0,5		8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137066	PHAN VÕ TRUNG	NGHĨA	DH10NL		0,5		8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137026	VÕ DỨC	NGHĨA	DH10NL		0,5		9	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09137012	THẦN THỂ	PHONG	DH09NL		0,5		5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137047	LÊ HOÀNG	PHÚC	DH10NL		0,5		8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137010	VŨ ĐÌNH	QUANG	DH10NL		0,5		7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10137027	NGUYỄN VĂN	SANG	DH10NL		0,5		7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137065	LÊ ANH	SON	DH10NL		0		7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137030	MAI VĂN	THUẦN	DH10NL		0,5		6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	DH10NL		0,5		7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:..... Số lời:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trưởng Bộ môn

Lê Văn Bạt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01720

Trang 1/1

Môn Học : Hệ thống điều khiển linh hoạt (20/507) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD105

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09138002	LÊ PHƯƠNG NHẬT ANH	DH09TD		<i>Choi</i>	9,0	9,0	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138055	NGUYỄN LÊ BẰNG	DH10TD		<i>B</i>	6,0	7,0	5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD		<i>Tru</i>	5,0	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09138020	LÂM THÁI DUY	DH09TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138002	DƯƠNG VĂN ĐÀI	DH10TD		<i>Đai</i>	8,0	9,0	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD		<i>Đat</i>	5,0	6,0	4,0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD		<i>Lo</i>	6,0	8,0	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138040	LA ĐÌNH KHÁNH	DH10TD		<i>La</i>	7,0	7,0	5,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138061	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH10TD		<i>Minh</i>	9,0	9,0	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD		<i>Phu</i>	9,0	9,0	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD		<i>Phu</i>	7,0	8,0	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD		<i>Quang</i>	9,0	9,0	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD		<i>Qui</i>	7,0	8,0	10	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138014	LÊ DUY THÁI	DH10TD		<i>Lo</i>	9,0	9,0	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD		<i>Thien</i>	8,0	9,0	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:..... Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lo Gi Quang Hien
Lo Dang Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Lo Gi Quang Hien
Lo Dang Trung Nam

Cán bộ chấm thi 1&2

Lo Gi Quang Hien
Lo Dang Trung Nam

Ngày 12 tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01721

Trang 1/1

Môn Học : Thiề kế mạch điều khiển (207515) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 08/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD			7		6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD			7		5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10138002	DƯƠNG VĂN ĐÀI	DH10TD			9,5		9,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐÀI	DH10TD			8,5		8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD			6		5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD			9,5		9	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD			7		8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138049	ĐINH NGỌC LĨNH	DH10TD			8		9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD			9		6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138061	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH10TD			9,5		9,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138034	ĐẶNG LÂM HOÀI NAM	DH10TD			8		9,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD			8		9,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD			7		7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD			8		9,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD			8,5		6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138012	NGUYỄN ĐÌNH QUYÊN	DH10TD			8,5		9	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10138014	LÊ DUY THÁI	DH10TD			8,5		9	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD			7		7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: Số từ:

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

Ngày tháng năm

Hồ Lê Văn Bền
Hồ Lê Quang Hào

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05357

Trang 1/2

Môn Học : SCADA - 01-207517

CBGD: Lê Ngọc Bích (783)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09138002	LÊ PHƯƠNG NHẬT ANH	DH09TD			7	8	8,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD			5	7	7	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD			7	8	8,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138002	DƯƠNG VĂN ĐÀI	DH10TD			7	8	8,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐÀI	DH10TD			5	7	7	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD			0	0	0	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD			7	6	7,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	08138005	GIANG THANH HOÀNG	DH08TD			6	6	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD			7	6	7,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138040	LA ĐÌNH KHÁNH	DH10TD			7	6	7,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138049	ĐÌNH NGỌC LĨNH	DH10TD			8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD			5	7	7	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138061	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH10TD			7	6	7,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138034	ĐẶNG LÂM HOÀI NAM	DH10TD			9	9	9	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD			9	9	9	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	08138010	PHÙNG TIẾN PHÁT	DH08TD			6	6	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD			8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD			9	9	9	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trang 2/2

CBGD: Lê Ngọc Bích (783)

Số bài:; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01723

Trang 1/1

Môn Học : Server điện-thủy lục-khí nén (207520) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lớp	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD			6,5	5	5,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD		V	V	V	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10138002	DƯƠNG VĂN ĐÀI	DH10TD			8	8,2	8,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐÀI	DH10TD			7	7,2	7,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD		V	V	V	V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD			9	7	7,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09138028	NGUYỄN MẠNH HOÀN	DH09TD			7	6	6,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD			0	7	5,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09138029	NGUYỄN MẠNH HÙNG	DH09TD			5	6	5,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138040	LA ĐÌNH KHÁNH	DH10TD			5	6,5	6,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138049	ĐÌNH NGỌC LĨNH	DH10TD			5	7,5	7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD			8	5,8	6,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138061	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH10TD			9	9	9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138034	ĐẶNG LÂM HOÀI NAM	DH10TD			7	7,5	7,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD			9	7,5	7,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD			7	6	6,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD			9	6,5	7,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD			7	7,5	7,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Hồng Loan Duyệt

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Văn Bằng

Ngày tháng năm

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: ; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trọng số

Ngày 12/12/2022
 Ông Nguyễn Khoa
 Ông Phạm Văn

Kel
Angela Dwy

Nguyễn Lê Văn Sơn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 04788

Trang 1/2

Môn Học : Thực tập ĐK-LT giao tiếp MT - 01-207522

CBGD: Lê Văn Phận (973)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08138018	VŨ THẾ ANH	DH08TD			8.5		8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08138055	TRẦN CÔNG TÀI	DH08TD			7		6.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08138070	TRẦN CHÍ THỐNG	DH08TD			8.5		9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	08138048	NGUYỄN TẤN TIẾN	DH08TD			6		6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09138002	LÊ PHƯƠNG NHẬT	DH09TD			6.5		7	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09138005	NGUYỄN HUY DŨNG	DH09TD			7.5		8.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09138020	LÂM THÁI DUY	DH09TD			7		7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09138009	TRẦN VĂN NGHĨA	DH09TD			8.5		9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09138040	TRẦN XUÂN NHẬT	DH09TD			7		6.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD			8.5		8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD			8.5		8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138002	DƯƠNG VĂN ĐÀI	DH10TD			8.0		9.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐÀI	DH10TD			9		9	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD			7.5		7	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD			9		9	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD			9		10	9.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10138040	LÀ ĐÌNH KHÁNH	DH10TD			8.5		8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10138049	ĐÌNH NGỌC LĨNH	DH10TD			8		8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 11 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 04788

Trang 2/2

Môn Học : Thực tập ĐK-LT giao tiếp MT - 01-207522

CBGD: Lê Văn Phấn (973)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD		Long	7.5		8.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10138061	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH10TD		Hoàng	9		9	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10138034	ĐẶNG LÂM HOÀI	DH10TD		Hoài	8.5		8.6	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD		Phát	7.0		7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD		Phương	6.5		6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD		Quang	8.5		8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD		Quý	7.5		6.5	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10138012	NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN	DH10TD		Quyền	9		10	9.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10138028	NGUYỄN TRỌNG TÀI	DH10TD		Tài	7.5		8	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10138014	LÊ DUY THÁI	DH10TD		Thái	8.5		8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD		Thiên	6.5		6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10138060	PHẠM QUỐC TRUNG	DH10TD		Trung	7		7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD		Vương	8.5		9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:..... Số lời:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 11 năm 2013

(Signature)

(Signature)

(Signature)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05442

Trang 1/1

Môn Học : Thực hành CNC - 01-207601

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153002	HOÀNG THANH BÌNH	DH10CD		<i>Ru</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153005	TRẦN ĐỨC	DH10CD		<i>Đức</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153006	HOÀNG VĂN	DH10CD		<i>Đg</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153007	NGUYỄN THÀNH	DH10CD		<i>Đg</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153008	HOÀNG MINH	DH10CD		<i>Đu</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153075	HUỖNH PHÚC	DH10CD		<i>Phu</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153010	NGUYỄN MANH	DH10CD		<i>Man</i>				9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153013	NGÔ HỮU	DH10CD		<i>Hu</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153014	TRẦN NHỰT	DH10CD		<i>Nhu</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153015	TRƯƠNG QUỐC	DH10CD		<i>Quoc</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153016	NGUYỄN NGỌC	DH10CD		<i>Ngoc</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153019	NÔNG VĂN	DH10CD		<i>Van</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153068	ĐẶNG TRẦN HOÀI	DH10CD		<i>Lic</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153022	ĐOÀN VĂN	DH10CD		<i>Lai</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153024	KHUU XUÂN	DH10CD		<i>Xuan</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153028	LÊ TRỌNG TẤN	DH10CD		<i>Tan</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153069	LÊ VĂN	DH10CD		<i>Tan</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153037	HÀ QUANG	DH10CD		<i>Thi</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: ; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đào Duy Vinh
Trần Thị Kim Ngân

Ngày tháng năm

Học Kỳ 1 – Năm Học 13-14

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

Số bài:..... Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

His Day Kind me

My Vegetarian Brinj

Ngày tháng năm

Đào Duy Vĩnh
Trần Thị Kim Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05443

Trang 1/1

Môn Học : Thực hành CNC - 02-207601

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153001	NGUYỄN QUỐC ANH	DH10CD		<i>Lan</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD		<i>Bình</i>				7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỂN	DH10CD		<i>Du</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153012	LÂM QUANG HIỀN	DH10CD		<i>Hiền</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153017	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH10CD		<i>ngkh</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09153053	PHÙNG ĐĂNG KHOA	DH09CD		<i>Phu</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153020	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH10CD		<i>Kiên</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153023	NGUYỄN VĂN LY	DH10CD		<i>Ly</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153077	NGUYỄN THÀNH NAM	DH10CD		<i>Nam</i>				7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153030	NGUYỄN VĂN QUỲNH	DH10CD		<i>Qu</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153040	PHAN CHÍ THIÊN	DH10CD		<i>Phan</i>				7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153042	NGUYỄN CÔNG THỊNH	DH10CD		<i>Thi</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153044	PHAN CÔNG THỌ	DH10CD		<i>Tho</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153045	VÕ HUỖNH THUẬN	DH10CD		<i>Thuan</i>				7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153064	HOÀNG VĂN TRANG	DH10CD		<i>Trang</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153076	TRẦN THÀNH TRUNG	DH10CD		<i>Trung</i>				7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153083	TRẦN THIÊN TRƯỜNG	DH10CD		<i>Tru</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153052	HUỖNH THANH TÙNG	DH10CD		<i>Tung</i>				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2,
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đào Duy Vinh

Trần Thị Kim Nga

Ngày tháng năm

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

Số bài: ; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Đào Duy Vĩch se

My Valley Ticks Boring

Ngày tháng năm

Đào Duy Vinh Đ
Tôn Thị Kim Ngân Đ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực hành CNC - 03-207601

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153085	NGUYỄN MINH	CHÍNH	DH10CD	Minh				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153003	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	DH10CD	Đình				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153055	ĐOÀN ANH	DUY	DH10CD	Đức				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153062	ĐỖ VĂN	ĐỨC	DH10CD	Đức				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153009	PHẠM HỮU	ĐỨC	DH10CD	Hữu				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153071	PHẠM KHÁ	NGUYỄN	DH10CD	Khá				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	08153021	TRẦN THANH	QUẤT	DH08CD	Thanh				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153032	PHAN VĂN	SÁNG	DH10CD	Phan				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153033	NGUYỄN TƯỜNG	TAM	DH10CD	Tường				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153038	ĐOÀN TRẦN CAO	THĂNG	DH10CD	Thăng				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153049	TÔ TÂN	TRONG	DH10CD	Tân				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153051	NGUYỄN TRỌNG	TUYÊN	DH10CD	Trọng				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153053	NGUYỄN THIÊN	TỬ	DH10CD	Thiên				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153088	VÕ BÉ	VIỆT	DH10CD	Việt				8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2,
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Duy Vinh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đào Duy Vinh
Trần Thị Kim Nga

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01724

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lô	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (20%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153001	NGUYỄN QUỐC ANH	DH10CD		<i>Quốc Anh</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD		<i>Bình</i>	8	5	3	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153039	PHÙNG HUY BÌNH	DH09CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153085	NGUYỄN MINH CHÍNH	DH10CD		<i>Minh Chính</i>	8	6	6	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỀN	DH10CD		<i>Trương Văn</i>	8	5	6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153005	TRẦN ĐỨC ĐÔNG	DH10CD		<i>Đông</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10153006	HOÀNG VĂN ĐỒNG	DH10CD		<i>Hoàng Văn</i>	8	6	3	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153007	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	DH10CD		<i>Thành</i>	8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153062	ĐỖ VĂN ĐỨC	DH10CD		<i>Đức</i>	8	8	6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153008	HOÀNG MINH ĐỨC	DH10CD		<i>Minh Đức</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD		<i>Ngọc Đức</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153009	PHẠM HỮU ĐỨC	DH10CD		<i>Hữu Đức</i>	8	7	6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153075	HUỲNH PHÚC HẬU	DH10CD		<i>Phúc Hậu</i>	8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153010	NGUYỄN MẠNH HẬU	DH10CD		<i>Mạnh Hậu</i>	8	6	8	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153011	NGUYỄN PHƯỚC HẬU	DH10CD		<i>Phước Hậu</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153013	NGÔ HỮU HIẾU	DH10CD		<i>Hữu Hiếu</i>	8	6	6	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD		<i>Nhật Hòa</i>	8	7	6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Duy Vĩnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đào Duy Vĩnh
Trần Thị Bội Ngọc

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01724

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - Số Tin Chi: 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (20 %)	Điểm thi (30 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10153015	TRƯƠNG QUỐC HOÀI	DH10CD		<i>Hoài</i>	8	8	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09118006	VÕ BÁ	CD12CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09153007	NGUYỄN VĂN HUỖNH	DH09CD		<i>Huỳnh</i>	8	5	5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10153017	NGUYỄN DUY	DH10CD		<i>Mêhul</i>	8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD		<i>AR</i>	8	7	6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09153053	PHÙNG ĐĂNG KHOA	DH09CD		<i>Khoa</i>	8	6	5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10153020	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH10CD		<i>Kiên</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153070	NGUYỄN DUY LONG	DH10CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10153068	ĐĂNG TRẦN HOÀI	DH10CD		<i>Hoài</i>	8	5	6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10153022	ĐOÀN VĂN LỢI	DH10CD		<i>Lợi</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10153023	NGUYỄN VĂN LY	DH10CD		<i>nghe</i>	8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10153056	HOÀNG VĂN MỸ	DH10CD		<i>my</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	08138009	NGUYỄN THÀNH NAM	DH08TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10153077	NGUYỄN THÁNH NAM	DH10CD		<i>Thánh</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10153024	KHIU XUÂN NGỌC	DH10CD		<i>Xuân</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10153071	PHẠM KHẢ NGUYỄN	DH10CD		<i>Khả</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10153025	VÕ VĂN NHÂN	DH10CD		<i>Nhân</i>	8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10153026	PHẠM ĐỨC NHẬT	DH10CD		<i>Nhật</i>	8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Duy Vĩnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Đào Duy Vĩnh
Trần Thị Ngọc

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01724

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10153028	LÊ TRỌNG TÂN	PHÁT	DH10CD		8	6	6	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	10153029	BÙI ĐẮC	PHƯƠNG	DH10CD		8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	08153021	TRẦN THANH	QUẤT	DH08CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10153030	NGUYỄN VĂN	QUYNH	DH10CD		8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	10153032	PHAN VĂN	SÁNG	DH10CD		8	5	6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	10153033	NGUYỄN TƯỜNG	TAM	DH10CD		8	6	6	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10153034	HOÀNG SỸ MINH	TÂN	DH10CD		8	6	7	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	10153069	LÊ VĂN	TÂN	DH10CD		8	5	7	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	10153036	LÊ ĐỨC	THẢO	DH10CD		8	7	6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10153038	ĐOÀN TRẦN CAO	THẮNG	DH10CD		8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	10153078	NGUYỄN CHÍ	THẮNG	DH10CD		8	8	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	10153040	PHAN CHÍ	THIỆN	DH10CD		8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	10153042	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	DH10CD		8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	10153044	PHAN CÔNG	THỌ	DH10CD		8	6	7	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	10153045	VÕ HUỖNH	THUẬN	DH10CD		8	6	6	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	10153049	TỔ TÂN	TRỌNG	DH10CD		8	6	7	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	10153050	NGUYỄN NGỌC	TRUNG	DH10CD		8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10153076	TRẦN THÀNH	TRUNG	DH10CD		8	7	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trang 4/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đạt 1

Số bài:; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Đào Duy Việt

Vediz stib Banz

Đến đây thì
Tâm thì không thể

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01725

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD504

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09138020	LÂM THÁI DUY	DH09TD	1			5.0	5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138002	DƯƠNG VĂN ĐẠI	DH10TD	2			8.0	5.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10138007	PHAM NGỌC HẢI	DH10TD	1			6.0	6.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD	4			5.0	6.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138049	ĐINH NGỌC LĨNH	DH10TD	1			7.0	6.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD	2			7.0	4.0	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138061	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH10TD	1			5.0	5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138034	ĐẶNG LÂM HOÀI NAM	DH10TD	1			8.0	7.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD	2			4.0	8.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD	1			7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD	1			4.0	8.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD	1			5.0	4.0	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138014	LÊ DUY THAI	DH10TD	2			7.0	6.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD	1			4.0	2.0	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153064	HOÀNG VĂN TRANG	DH10CD	1			6.0	6.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD	2			5.0	6.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 16; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Văn Ban
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01731

Trang 1/1

Môn Học : Kỹ thuật số (207610) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (Đ1+Đ2)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD	1		8	7	2	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09153043	NGUYỄN TÂN	DH09CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11138013	TRẦN MẠNH	DH11CD	1		10	10	7,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138019	TRẦN VĂN	DH10TD			5	5	1,5	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153001	NGUYỄN ĐỨC	DH11CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DH12TD	1		8	7,5	2,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138002	DƯƠNG VĂN	DH10TD	1		10	8	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153018	ĐÌNH PHÚC	DH11CD	1		10	5	9	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153038	LÊ HẢI	DH11CD	1		9	10	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153016	TRẦN THANH HIỆU	DH11CD	1		9	10	5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11137002	LÊ NGỌC	DH11CD	2		10	10	7,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153026	PHAN TRUNG	DH11CD	1		9	10	6,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153013	NGÔ HỮU	DH10CD	1		8	8	4,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153021	NGUYỄN VĂN	DH11CD	1		8	10	7	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	07153018	LÊ TRƯƠNG NAM	DH08CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138059	LÊ VĂN	DH10TD	1		8	8	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153017	NGUYỄN VĂN	DH11CD	1		7	5	3	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153024	NGUYỄN VIỆT	DH11CD	1		7	5	4	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 36; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Kiên Văn Đức
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Hồng Xuân Diệu

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Lê Tường

Ngày tháng 01 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01731

Trang 2/1

Môn Học : Kỹ thuật số (207610) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD104

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09153049	PHẠM XUÂN HUY	DH09CD	1	<i>Phạm Xuân Huy</i>	8	7	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11138008	HỒ VĂN HƯNG	DH11CD	1	<i>Hồ Văn Hưng</i>	8	5	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD	1	<i>Lê Hoàng Khải</i>	8	5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	09153053	PHÙNG ĐĂNG KHOA	DH09CD	1	<i>Phùng Đăng Khoa</i>	7	5	1,5	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153020	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH10CD	1	<i>Nguyễn Trung Kiên</i>	9	8	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11138005	HUỖNH THIÊN LỘC	DH11CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD	1	<i>Phạm Minh Lý</i>	8	7,5	4,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD	1	<i>Đặng Thanh Phương</i>	8	5	2,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD	1	<i>Võ Minh Phương</i>	8	7	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH09CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD	1	<i>Dương Phước Phú</i>	7	5	2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10153032	PHAN VĂN SÁNG	DH10CD	1	<i>Phan Văn Sáng</i>	8	8	4,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD	1	<i>Lê Văn Tâm</i>	9	10	9	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138067	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD	1	<i>Nguyễn Thành Tâm</i>	7	7,5	1,5	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11153032	PHẠM CÔNG TÂN	DH11CD	1	<i>Phạm Công Tân</i>	9	10	8	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD	1	<i>Phan Trường Thịnh</i>	9	10	7,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD	1	<i>Nguyễn Lê Hoàng Thông</i>	8	7,5	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11118009	NGUYỄN THÁI TÍNH	DH11CD	1	<i>Nguyễn Thái Tính</i>	7	10	4	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 36; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Kiên Văn An
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Lê Hồng
Nguyễn Lê Hồng

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Lê Hồng

Ngày tháng 01 năm 14

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 15; Số tờ: 1
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Kiểm Văn thư. Huy
 Tổng Trung Nam t

Any time I see

Nguyễn Lê Tường

Ngày tháng 01 năm 14-

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Lê Quang Hiên (795)

Môn Học : Thực tập ROBOT công nghiệp - 01-207617

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09138002	LÊ PHƯƠNG NHẬT ANH	DH09TD		<i>Phat</i>	9,0	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD		<i>Phat</i>	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD		<i>Phat</i>	8,0	9,0	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138002	DƯƠNG VĂN ĐÀI	DH10TD		<i>Long</i>	8,0	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐÀI	DH10TD		<i>Phat</i>	8,0	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD		<i>Phat</i>	5,0	9,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD		<i>Phat</i>	9,0	10	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD		<i>Phat</i>	6,0	8,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138040	LA ĐÌNH KHÁNH	DH10TD		<i>Phat</i>	9,0	8,0	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138049	ĐÌNH NGỌC LĨNH	DH10TD		<i>Phat</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD		<i>Long</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138061	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH10TD		<i>Phat</i>	9,0	10	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138034	ĐẶNG LÂM HOÀI NAM	DH10TD		<i>Phat</i>	9,0	8,0	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD		<i>Phat</i>	9,0	10	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD		<i>Phat</i>	9,0	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD		<i>Phat</i>	9,0	10	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD		<i>Phat</i>	8,0	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10138012	NGUYỄN ĐÌNH QUYÊN	DH10TD		<i>Phat</i>	8,0	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Quang Hiên
Đặng Trung Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Lê Quang Hiên
Đặng Trung Nam

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Quang Hiên
Đặng Trung Nam

Ngày 10 tháng 09 năm 2014

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Lê Quang Hiên (795)

[illegible]

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2,
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Đến Quảng Hải
ở Bình Trưng Nam

Thị trấn Vĩnh Bình

ĐS Lê Quang Hải
Đ. Trọng Nam

Ngày 10 tháng 02 năm 2016.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01744

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cấu tạo động cơ Ô tô, máy kéo (207703) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT			1,4	2	3,9	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154002	NGUYỄN TUẤN ANH	DH11OT			1,6	2	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10344093	NGUYỄN MINH AN	CD10CI			1,0	2	1,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154004	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH11OT			1,2	2	3,6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH11OT			1,7	2	4,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11344017	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	CD11CI			1,8	2	3,9	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154051	TRINH XUÂN HẠNH	DH11OT			1,0	2	3,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154013	PHẠM VĂN HIỆP	DH10OT			1,6	2	2,7	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154033	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11OT			1,7	2	3,9	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09118006	VÕ BÁ HOÀNG	CD12CI			0	1	0,6	1,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154056	NGUYỄN TÂM HỌC	DH11OT			1,6	2	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11344020	TRẦN VĂN HỒ	CD11CI			0	1	2,1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT			1,4	2	3,9	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH11OT			1,0	2	4,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154038	NGUYỄN CAO VĨNH	DH11OT			1,8	2	5,1	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09118009	TRẦN DUY KHƯƠNG	DH09CK			1,2	2	3,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344054	LÊ VĂN LINH	CD12CI			V	V	V	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11344060	NGUYỄN XUÂN THẮNG	CD11CI			0,9	2	3,0	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 08 tháng 02 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01744

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cấu tạo động cơ Ô tô, máy kéo (207703) - Số Tin Chit : 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (2,0)	Đ2 (2,0)	Điểm thi (6,0)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT		<i>Lu</i>	1,2	2	4,2	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT		<i>Ng</i>	1,3	2	4,8	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11154009	ĐINH CÔNG LỰC	DH11OT		<i>Co</i>	1,6	2	3,6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10154022	NGUYỄN VĂN LỰC	DH10OT		<i>Nv</i>	1,8	2	2,7	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT		<i>Chu</i>	1,6	2	4,8	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11344063	TRIỆU CẢ MÜN	CD11CI		<i>Mu</i>	1,1	2	4,2	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10344047	RẦN ĐỨC MỸ	CD10CI		<i>Ny</i>	1,4	2	3,3	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11344035	NGUYỄN KHOA NAM	CD11CI		<i>Nk</i>	1,2	2	0,9	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11154010	MÔNG TRỌNG NGHĨA	DH11OT		<i>Ng</i>	1,5	2	3,9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10154099	NGUYỄN THẾ NHÂM	DH10OT		<i>Nt</i>	1,2	2	2,4	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11344030	LÊ MINH NHÂN	CD11CI		<i>Nl</i>	0,8	2	3,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT		<i>Nv</i>	1,4	2	4,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHON	DH11OT		<i>Nt</i>	1,2	2	2,7	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154047	NGUYỄN LÊ DUY PHÁT	DH11OT		<i>Nl</i>	1,2	2	3,3	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT		<i>Nt</i>	1,6	2	3,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10154031	NGUYỄN VĂN QUÍ	DH10OT		<i>Nv</i>	1,6	2	4,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT		<i>Ng</i>	1,4	2	3,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH11OT		<i>Nv</i>	1,4	2	4,2	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Văn Mạnh
Phạm Minh Khôi

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Trần Văn Mạnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 02 năm 14

Trần Văn Mạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01744

Trang 3/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cấu tạo động cơ Ôtô, máy kéo (207703) - Số Tin Chì: 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11154015	THÔNG PHỔ SẦU	DH11OT		Sau	1,6	2	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11154049	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH11OT		Vang	V	V	V	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	DH10OT		Pha	1,4	2	3,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK		Pha	0,8	2	4,2	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT		Tha	1,8	2	3,3	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	09118016	ĐÀO NHẬT THÀNH	DH09CK		Vang	V	V	V	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT		Tha	0,8	2	3,6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	DH08CK		Vang	V	V	V	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT		Tha	1,4	2	3,9	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10154045	VŨ CÔNG THUẬN	DH10OT		Pha	1,7	2	2,4	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11154062	NGUYỄN MINH TIỀN	DH11OT		Tha	1,7	2	4,8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11154020	VŨ TRẦN TIỀN	DH11OT		Tha	1,6	2	3,6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11154031	NGUYỄN CHÍ TRẠI	DH11OT		Tha	1,6	2	3,6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11154021	ĐẶNG QUỐC TRÍ	DH11OT		Pha	1,6	2	4,8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11154034	ĐINH QUỐC TRUNG	DH11OT		Pha	1,6	2	4,8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT		Tha	1,6	2	3,6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH11OT		Tha	1,4	2	3,0	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11154054	PHẠM NHƯ VÂN	DH11OT		Pha	1,0	2	3,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Mạnh Đức
Phạm Văn Hiến

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Xuân

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Mạnh Đức
Nguyễn Văn Xuân

Ngày 08 tháng 02 năm 14

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01748

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hệ thống điện thân xe (207708) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154056	TRẦN NGỌC	AI			8	6	1	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154002	NGUYỄN VĂN TUẤN	ANH			10	9	7	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154066	NGUYỄN VĂN	CA			10	7	1.5	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154058	ĐÀU VĂN	CÔNG			10	9	4.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154005	VƯƠNG TẤN	ĐẠT			10	8	7	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154006	PHẠM DUY	ĐĂNG			10	8	5.5	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09154015	NGUYỄN MINH	HẢI			10	9	5	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154010	NGUYỄN MINH	HÀU			10	9	9	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154013	PHẠM VĂN	HIỆP			8	8	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154069	NGUYỄN CẨM	HOÀNG			10	9	7	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154015	HỒ XUÂN	HÙNG			10	8	1	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09154024	NGUYỄN VĂN	HÙNG			0	0	0.5	0.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154067	ĐƯƠNG HOÀNG	HUY			10	7	5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154087	HOÀNG VĂN	KHÁNH			10	7	3	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154017	TRẦN ĐĂNG	KHOA			10	8	8.5	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154018	VƯƠNG NHẬT	KHÔI			10	9	4.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154023	THẠCH	MÃN			6	9	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154025	ĐOÀN ĐỨC	NGUYỄN			10	9	7	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 10 : Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi, Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và

đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn
Phạm Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Nguyễn Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 16 tháng 01 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01748

Trang 2/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hệ thống điện thân xe (207708) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số lời	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10154068	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	DH100T			10	9	3.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10154089	THÁI SINH NHẬT	DH100T			10	7	0	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10154028	TRẦN VĂN NHƯ	DH100T			10	8	1.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10154061	HỒ TÂN PHONG	DH100T			4	8	0	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10154031	NGUYỄN VĂN QUÍ	DH100T			10	9	3	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10154032	ĐỖ VĂN QUÝ	DH100T			10	9	1.5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10154034	NGUYỄN PHƯỚC SƠN	DH100T			10	6	1.5	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	DH100T			8	8	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10154041	ĐỖ TÂN THÁI	DH100T			4	0	0	0.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10154037	NGUYỄN VĂN THANH	DH100T			10	6	3.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10154039	VĂN TIẾN THÁNH	DH100T			10	7	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10154042	LÂM QUANG THIÊN	DH100T			8	6	2.5	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10154044	LÊ TRƯỜNG TRƯỜNG	DH100T			10	9	4	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10154045	VŨ CÔNG THUẬN	DH100T			8	7	4	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10154047	NGUYỄN VĂN TİM	DH100T			10	8	4.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG	DH100T			10	8	6.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10154051	TRƯƠNG TRẦN HIẾU	DH100T			10	6	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10154088	LÊ VĂN TUẤN	DH100T			10	7	2.5	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 40 : Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 01 năm 2014

Trang 3/1

Ngày Thi : 15/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 40 ; Số tờ:

Ngày 16 tháng 01 năm 2019

Joseph Nye
Hyman Minsky

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 01-207723

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154004	NGUYỄN THANH CÔNG	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09154055	HỒ TÂN	DH090T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154008	HÀ XUÂN	DH100T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09154015	NGUYỄN MINH HẢI	DH090T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154063	PHẠM CHÁNH HƯNG	DH100T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154017	TRẦN ĐĂNG KHOA	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154018	VƯƠNG NHẬT KHÔI	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154074	BÙI THANH LINH	DH100T						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154089	THÁI SINH NHẬT	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154028	TRẦN VĂN NHƯ	DH100T						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154029	NGUYỄN VŨ AN	DH100T						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09154036	NGUYỄN NGỌC SƠN	DH090T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154034	NGUYỄN PHƯỚC SƠN	DH100T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154035	HỒ THÁI OANH	Sỹ						3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154086	DƯƠNG CHÍ THANH	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154038	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	DH100T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 01 năm 2014

(Chữ ký)

(Chữ ký)

Hoc Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Trinh Nguyễn (100)

Số bài:..... Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 17 tháng 04 năm 2014

Thyres on Mead

Trần Nguyễn Đình Nguyễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

Môn Học : Thực tập động cơ Ô tô - 02-207723

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154056	TRẦN NGỌC	ÂI	DH100T					5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154002	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH110T					8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154004	LÊ QUỐC	DŨNG	DH100T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154065	LÝ MINH	HẢO	DH100T					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154013	PHẠM VĂN	HIỆP	DH100T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154056	NGUYỄN TÂM	HỌC	DH110T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154015	HỒ XUÂN	HÙNG	DH100T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154035	LÊ HUY	HÙNG	DH110T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154067	DƯƠNG HOÀNG	HUY	DH100T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154063	TRẦN HOÀNG	HUY	DH110T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154087	HOÀNG VĂN	KHÁNH	DH100T					5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154038	NGUYỄN CAO VĨNH	KHƯƠNG	DH110T					8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154028	LÊ ANH	NGUYỄN	DH110T					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08154020	NGUYỄN KHOA	NGUYỄN	DH080T					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154041	ĐỖ TẤN	THÁI	DH100T					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154037	NGUYỄN VĂN	THANH	DH100T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154079	LÂM MINH	THẠO	DH100T					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154059	LÊ XUẤT	THÂN	DH110T					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Trinh Nguyễn (100)

Số bài:; Số tờ:
 Lưu ý: D1, D2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, D1, D2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 17 tháng 01 năm 2019

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

Môn Học : Thực tập động cơ Ôtô - 03-207723

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154006	PHẠM DUY ĐĂNG	DH100T						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154051	TRINH XUÂN HÀNH	DH110T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH110T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154012	PHẠM TRUNG HIẾU	DH100T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154020	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH LONG	DH100T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154009	ĐINH CÔNG LỰC	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH110T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154068	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	DH100T						7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH110T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154046	NGUYỄN TRONG NHON	DH110T						5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	DH100T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH110T						6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH110T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH110T						3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154045	VŨ CÔNG THUẬN	DH100T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH110T						6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154021	ĐĂNG QUỐC TRÍ	DH110T						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

(Signature)

(Signature)

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Nguyễn Trinh Nguyễn (100)

Số bài:; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2. Điểm thành phần 1,2
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 04 năm 2018

Trần Nguyễn Đức Nguyễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập truyền động ôtô - 02-207725

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (Đ1+Đ2)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154056	TRẦN NGỌC	ÁI	DH100T			1	3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154075	LÊ VĂN	CHIẾN	DH100T			1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154065	LÝ MINH	HÀO	DH100T			1,5	8,5	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154069	NGUYỄN CẢNH	HOÀNG	DH100T			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154070	DƯƠNG MINH	HỢP	DH100T			1,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154067	DƯƠNG HOÀNG	HUY	DH100T			1,5	8,5	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154019	NGUYỄN KỲ	LÂN	DH100T			1	3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154021	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH100T			1	3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154032	ĐỖ VĂN	QUÝ	DH100T			1,5	8,5	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154081	MAI HÀ	SANG	DH100T			1,5	8,5	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC	SANH	DH100T			1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154033	ĐẶNG VĂN	SIL	DH100T			1,5	7,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154037	NGUYỄN VĂN	THANH	DH100T			1,5	7,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154079	LÂM MINH	THAO	DH100T			1,5	8,5	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154042	LÂM QUANG	THIỆN	DH100T			1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154047	NGUYỄN VĂN	TÍM	DH100T			1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG	TOÀN	DH100T			1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154048	ĐẶNG VĂN	TOÀN	DH100T			1,5	8,5	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 2 năm 2019

(Chữ ký)

(Chữ ký)

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Số bài..... Số tờ.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trọng số

Cân bố coi thi 18.2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 18/2

Ngày 17 tháng 2 năm 2014

Uphar on khums

Phan Minh Thân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ I - Năm Học 13-14

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Môn Học : Thực tập truyền động ôtô - 03-207725

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154055	VƯƠNG THÀNH AN	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154002	NGUYỄN VĂN TUẤN	DH100T				1,5	8,5	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09154057	LÊ DUY	DH090T				1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154003	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH100T				1,5	7,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154066	NGUYỄN VĂN CA	DH100T				1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154004	LÊ QUỐC DŨNG	DH100T				1,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154005	VƯƠNG TÂN ĐẠT	DH100T				1,5	7,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154010	NGUYỄN MINH HẬU	DH100T				1,5	6	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154087	HOÀNG VĂN KHÁNH	DH100T				1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154097	HUỶNH THANH LONG	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154077	NGUYỄN ẬU VĂN NAM	DH100T				1,5	8,5	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154030	TRẦN VĂN QUANG	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154031	NGUYỄN VĂN QUÍ	DH100T				1,5	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154038	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	DH100T				1,5	6,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154039	VĂN TIẾN THÀNH	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154044	LÊ TRƯƠNG TRƯỜNG	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154084	TRỊNH VĂN TUẤN	DH100T				1,5	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154098	NGUYỄN TIẾN TÙNG	DH100T				1,5	4,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 02 năm 2014

(Chữ ký)

(Chữ ký)

Hoc Kỳ I - Năm Học 13-14

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

[illegible]

Ngày 17 tháng 02 năm 2019

Учредитель

Điền Minh Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập truyền động ôtô - 04-207725

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154058	ĐÀU VĂN CÔNG	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154006	PHẠM DUY ĐĂNG	DH100T				1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154013	PHẠM VĂN HIỆP	DH100T				1,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154063	PHẠM CHÁNH HƯNG	DH100T				1,5	7,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154017	TRẦN ĐĂNG KHOA	DH100T				1,5	7	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154018	VƯƠNG NHẬT KHÔI	DH100T				1,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154020	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH LONG	DH100T				1,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154023	THẠCH MÃN	DH100T				1	8	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154025	ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154068	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154099	NGUYỄN THẾ NHÂM	DH100T				1,5	8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154027	PHAN XUÂN NHẬT	DH100T				1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154028	TRẦN VĂN NHƯ	DH100T				1,5	7,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154061	HỒ TÂN PHONG	DH100T				1	3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	DH100T				1,5	5,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154053	NGUYỄN LƯƠNG TUYẾN	DH100T				1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Phan Minh Hiếu

Phan Minh Hiếu